

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **19212**/BTC-QLCSHà Nội, ngày **10** tháng 12 năm 2025

V/v đăng ký nhu cầu tiếp nhận xe ô tô không còn nhu cầu sử dụng của Bộ Tài chính.

Kính gửi: Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Sau khi thực hiện bố trí, sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính; các đơn vị thuộc Bộ Tài chính không còn nhu cầu sử dụng một số xe ô tô (Danh sách cụ thể theo Phụ lục – đính kèm).

Vì vậy, để có cơ sở điều hòa (điều chuyển) cho các cơ quan, đơn vị còn thiếu xe ô tô so với tiêu chuẩn, định mức, đề nghị Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổng hợp nhu cầu tiếp nhận các xe ô tô nêu trên của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ý kiến về việc tiếp nhận (nếu có nhu cầu), gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) chậm nhất ngày 17/12/2025 để phối hợp thực hiện theo quy định.

Việc điều hòa được thực hiện theo nguyên tắc ưu tiên bố trí cho các xã hiện nay chưa có xe ô tô, Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có văn bản đăng ký tiếp nhận gửi đến Bộ Tài chính sớm hơn.

Sau ngày 17/12/2025 mà Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) không nhận được văn bản đăng ký tiếp nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì được xác định là địa phương không có nhu cầu và sẽ thông báo cho cơ quan, đơn vị có xe thực hiện việc xử lý theo hình thức khác phù hợp. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Đỗ Thành Trung (để b/cáo);
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục KHTC;
- KBNN;
- Lưu: VT, QLCS.(3)

**TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ CÔNG SẢN
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Trần Diệu An

BỘ TÀI CHÍNH**Phụ lục****DANH MỤC XE Ô TÔ KHÔNG CÒN NHU CẦU SỬ DỤNG***(Đính kèm Công văn số 1921/BTC-QLCS ngày 10/12/2025 của Bộ Tài chính)*

TT	Đơn vị quản lý, sử dụng xe	Nhãn hiệu	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi	Năm sử dụng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
						Nguyên giá	Giá trị còn lại đến 31/12/2024
1	KBNN khu vực V	Huyndai H1	17A-001.89	6	2013	804.144.000	125.357.831
2	KBNN khu vực V	Huyndai H1	17A-001.62	6	2013	748.935.000	99.608.351
3	KBNN khu vực XVI	Huyndai H1	61A-001.07	6	2013	778.935.000	113.600.351
4	KBNN khu vực II	Huyndai H1	50A-005.10	6	2013	858.750.000	114.299.625
5	KBNN khu vực II	Huyndai H1	50A-003.20	6	2013	888.360.000	128.023.854
6	KBNN khu vực II	Hyundai H1	50A-008.99	6	2015	816.650.000	271.944.450
7	KBNN khu vực II	Huyndai H1	50A-007.06	6	2015	821.407.000	273.528.530
8	KBNN khu vực II	Huyndai H1	50A-008.38	5	2015	816.650.000	271.944.450
9	KBNN khu vực II	Huyndai H1	50A-005.38	6	2013	858.750.000	114.213.750
10	KBNN khu vực II	Huyndai H1	50A-004.82	6	2013	858.750.000	114.213.750
11	KBNN khu vực II	Huyndai H1	50A-005.03	6	2013	858.750.000	114.299.625
12	KBNN khu vực V	Huyndai H1	17A - 002.66	6	2015	748.170.000	249.140.610
13	KBNN khu vực V	Huyndai H1	17B-002.06	6	2014	748.935.000	99.608.351
14	KBNN khu vực V	Huyndai H1	17A-001.93	6	2013	689.153.779	91.657.451
15	KBNN khu vực VIII	Huyndai Santafe	21A-001.96	5	2013	882.300.000	117.345.900
16	KBNN khu vực VIII	Huyndai Santafe	24A-001.40	5	2013	969.800.000	128.983.400
17	KBNN khu vực VIII	Huyndai Santafe	24A-002.99	5	2013	969.800.000	128.983.400
18	KBNN khu vực VIII	Huyndai H1	19A 008.73	6	2013	748.935.000	99.608.350
19	KBNN khu vực XIV	Huyndai Santafe	82A-000.78	5	2013	951.500.000	126.549.500
20	KBNN khu vực XIV	Huyndai Santafe	81A-001.98	5	2013	985.500.000	131.071.500
21	KBNN khu vực XIV	Huyndai Santafe	81A-002.24	5	2013	981.000.000	130.473.000
22	KBNN khu vực XIV	Huyndai Santafe	48A-002.10	5	2015	884.200.000	294.438.600
23	KBNN khu vực XIV	Huyndai Santafe	47A-001.42	5	2013	952.000.000	126.711.200
24	KBNN khu vực XIV	Huyndai Santafe	48A-001.31	5	2013	882.400.000	117.359.200
25	KBNN khu vực XVI	Huyndai H1	61A-001.05	6	2014	774.435.000	111.501.551
26	KBNN khu vực XVI	Huyndai H1	61A-002.76	6	2015	749.720.000	249.656.760
27	KBNN khu vực XVI	Hyundai H1	61A-003.68	6	2015	753.627.000	250.957.790
28	KBNN khu vực XX	Huyndai H1	68A-001.59	6	2013	750.850.000	99.863.050
29	KBNN khu vực XX	Huyndai H1	69A-002.62	6	2013	748.935.000	99.608.351
30	KBNN khu vực XX	Huyndai H1	94A-002.23	6	2013	748.935.000	99.608.352